

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2023
“V/v Tranh chấp về hôn nhân
gia đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Lâm Sơn.
2. Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 08/TB-TA ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1978; cư trú: 633/24 khóm Đ, phường M, thành phố P, tỉnh An Giang; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nhan Tiềng G, sinh năm 1984; cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T trình bày, giữa bà và ông Nhan Tiềng G tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2006, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết

hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; bà và ông Giang chung sống đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Giang ăn nhậu nên thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn chung sống khoảng 8 tháng. Nhận thấy tình cảm không còn, nên yêu cầu được ly hôn với ông Nhan Tiềng G.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nhan Hoàng S, sinh ngày 10/01/2011, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Giang cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Nhan Tiềng G vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Bà Phan Thị Thanh T, ông Nhan Tiềng G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn ông Giang có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T với ông Nhan Tiềng G;

- Về con chung: Giao con chung Nhan Hoàng S, sinh ngày 10/01/2011 cho bà Phan Thị Thanh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét, quyết định.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Phan Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nhan Tiềng G, ông Giang cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ

Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà T, ông Giang đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng bà T, ông Giang có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thống nhất, xét xử vắng mặt bà T, ông Giang theo quy định pháp luật tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh T và ông Nhan Tiềng G kết hôn do tự tìm hiểu, hôn nhân không bị ép buộc hoàn toàn tự nguyện, bà T và ông Giang có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà T khẳng định không còn tình cảm với ông Giang, do cả hai có nhiều mâu thuẫn, ông Giang thường xuyên ăn nhậu, từ giữa năm 2022 thường xuyên mâu thuẫn, cũng như có thời gian tự sống ly thân. Xét thấy, hôn nhân là trên cơ sở sự thấu hiểu nhau, gần gũi chia sẻ giữa vợ và chồng, nhưng giữa bà T với ông Giang đã không còn sự chia sẻ, thường xuyên có những bất đồng, bà T cũng không còn tình cảm, nên việc xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Giang, nhưng ông Giang không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà T, ông Giang đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, hôn nhân giữa bà T và ông Giang là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Giang theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa bà Phan Thị Thanh T với ông Nhan Tiềng G có 01 con chung tên Nhan Hoàng S, sinh ngày 10/01/2011, khi ly hôn bà T đề nghị nuôi con chung, không yêu cầu ông Giang phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung đang sống với bà T ổn định, phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cán bộ Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu S, cháu cũng mong muốn ở với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất để đảm bảo cuộc sống cho cháu S, nên giao cháu S cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Giang không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Nhan Tiềng G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 228, 238, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nhan Tiềng G;

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Thanh T được ly hôn với ông Nhan Tiềng G. Giấy chứng nhận kết hôn số 191, quyển số 01/2010 ngày 15 tháng 9 năm 2010 do Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà Phan Thị Thanh T và ông Nhan Tiềng G, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: bà Phan Thị Thanh T với ông Nhan Tiềng G có 01 con chung tên Nhan Hoàng S, sinh ngày 10/01/2011. Bà Phan Thị Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nhan Hoàng S, sinh ngày 10/01/2011. Ông Nhan Tiềng G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phan Thị Thanh T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nhan Tiềng G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà T không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

4. Về nợ chung: Bà T không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013226 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08 tháng 02 năm 2023; bà Phan Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Ông Nhan Tiềng G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị Thanh T, ông Nhan Tiềng G, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên